

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN QUỲNH PHỤ
TỈNH THÁI BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 61/2021/HS-ST
Ngày 28-7-2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUỲNH PHỤ**

Thành phần Hội đồng xét xử gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Đức - Thẩm phán Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình.

Các hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Duy Dân; Bà Vũ Thị Ngân.

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Khánh Vi - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hiền- Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 7 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 56/2021/TLST-HS ngày 09 tháng 7 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 61/2021/QĐXXST-HS ngày 16 tháng 7 năm 2021 đối với các bị cáo:

1. Bùi Xuân Tr; Sinh ngày 13/7/1994; Giới tính: Nam.

Nơi cư trú: Thôn H, xã Đ, huyện C, tỉnh Hưng Yên;

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: không; Trình độ học vấn: 8/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Họ và tên cha: Bùi Tuấn O, sinh năm 1963; Họ và tên mẹ: Trần Thị T, sinh năm 1972; Vợ: Vũ Thị T1, sinh năm 1994 (Đã ly hôn); Có 01 con sinh năm 2014; Tiền sự: không; Tiền án: Bản án số 17/2016/HSST ngày 10/3/2016, Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình, xử phạt 02 năm tù, về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”, theo khoản 1 Điều 194 Bộ luật Hình sự năm 1999, chấp hành xong bản án ngày 05/10/2017. Bản án số 29/2018/HS-ST ngày 26/12/2018, Tòa án nhân dân huyện Phù Cừ, tỉnh Hưng Yên, xử phạt 01 năm 06 tháng tù, về tội “Trộm cắp tài sản”, theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự, bị áp dụng tình tiết tăng nặng “Tái phạm”, quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự, chấp hành xong bản án ngày 25/4/2020; Bị tạm giữ từ ngày 15/5/2021, chuyển tạm giam ngày 21/5/2021, hiện đang bị tạm giam tại nhà tạm giữ Công an huyện Quỳnh Phụ.

2. Trần Văn Qu; Sinh ngày 09/9/1989; Giới tính: Nam.

Nơi cư trú: Thôn H, xã Đ, huyện C, tỉnh Hưng Yên;

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: không; Trình độ học vấn: 12/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Họ và tên cha: Trần Qu T2, sinh năm 1957, ông

T2 là bệnh binh hạng 2, ngày 03/10/1984 được Hội đồng nhà nước tặng Huân chương chiến sỹ vẻ vang hạng ba; Họ và tên mẹ: Bùi Thị M, sinh năm 1967; Vợ: Hoàng Thị Th, sinh năm 1993; Có 01 con sinh năm 2016; Tiền sự: không; Tiền án: Bản án số 34/2011/HSST ngày 09/8/2011, Tòa án nhân dân huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên, xử phạt 18 tháng tù, về tội “Trộm cắp tài sản”, theo khoản 1 Điều 138 Bộ luật Hình sự năm 1999; bồi thường cho các bị hại số tiền 18.000.000 đồng; truy thu nộp ngân sách Nhà nước số tiền 6.500.000 đồng do phạm tội mà có; 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 900.000 đồng án phí dân sự. Trần Văn Qu đã chấp hành xong hình phạt tù ngày 11/12/2014; thi hành 1.100.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự; 1.600.000 đồng tiền thu nộp ngân sách Nhà nước, số tiền nộp ngân sách còn lại là 4.900.000 đồng được miễn theo Quyết định xét miễn nghĩa vụ thi hành án dân sự đối với khoản thu nộp ngân sách Nhà nước số 07/2017/QĐ-THA ngày 05/9/2017 của Tòa án nhân dân huyện Phù Cừ, tỉnh Hưng Yên; bị cáo chưa thực hiện nghĩa vụ bồi thường dân sự cho các bị hại.

Nhân thân: Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 44/QĐ ngày 24/5/2005, Công an huyện Phù Cừ, tỉnh Hưng Yên xử phạt cảnh cáo về hành vi cố ý gây thương tích. Bản án số 27/2011/HSST ngày 25/8/2011, Tòa án nhân dân huyện Thanh Miện, tỉnh Hải Dương và Bản án số 57/2011/HSPT ngày 28/10/2011 của Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương, xử phạt 18 tháng tù, về tội “Trộm cắp tài sản”, theo khoản 1 Điều 138 Bộ luật Hình sự năm 1999, chấp hành xong các bản án ngày 22/4/2016; Bản án số 56/2011/HSST ngày 08/11/2011, Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình, xử phạt 15 tháng tù, về tội “Trộm cắp tài sản”, theo khoản 1 Điều 138 Bộ luật Hình sự năm 1999, chấp hành xong hình phạt tù ngày 11/12/2014, thi hành xong các quyết định khác của bản án ngày 05/9/2017; Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 15/5/2021, chuyển tạm giam ngày 21/5/2021, hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình.

Bị hại: Anh Nguyễn Như U, sinh năm 1980

Địa chỉ: Thôn B, xã H1, huyện Q, tỉnh Thái Bình.

(Tại phiên tòa có mặt các bị cáo, vắng mặt anh U)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Bùi Xuân Tr, Trần Văn Qu là anh em họ và đều nghiện ma túy. Khoảng 08 giờ ngày 15/5/2021, Qu đi bộ đến nhà Tr chơi. Trong lúc ngồi uống nước, Tr nảy sinh ý định đi trộm cắp xe máy bán lấy tiền chi tiêu nên rủ “Anh em mình sang Thái Bình xem có xe máy để sơ hở thì trộm bán lấy tiền chi tiêu”. Qu đồng ý. Tr cầm 01 vạm phá khóa xe máy bằng kim loại, tay vạm hình chữ T dài 10cm quấn băng dính đen, mũi vạm dài 05cm (01 đầu tày, 01 đầu dẹt) bỏ trong túi quần trước bên phải. Qu điều khiển xe mô tô, kiểu dáng Wave, màu sơn đỏ, không treo biển số, chở Tr từ nhà qua huyện N, tỉnh Hải Dương, theo đường 396B sang xã H1, huyện Q, tỉnh Thái Bình. Đến khoảng 10 giờ, trên đường đi tới thôn B, xã H1, Tr nhìn thấy 02 chiếc xe mô tô dựng cạnh nhau (đầu các xe hướng phía cánh đồng, đuôi quay ra đường 396B) ở mé đường bê tông nội đồng, bên phải chiều đi, cách đường 396B khoảng 05 mét, xung

quanh không có người coi giữ nên bảo Qu “*xe kia, đi chậm lại, để xuống xem thế nào*”. Hiểu ý, Qu giảm tốc độ cho xe dừng lại ở mé đường 396B, cách vị trí 02 chiếc xe khoảng 06 đến 07 mét. Tr xuống xe, đi đến vị trí 02 chiếc xe. Thấy chiếc xe mô tô nhãn hiệu Woldwide, màu sơn nâu, biển số 17F8-8311, yên xe có lắp 01 giá để đồ (giá chở hàng) tự chế bằng sắt gắn 02 giảm xóc hai bên, của anh Nguyễn Như U, sinh năm 1980, trú tại: Thôn B, xã H1, huyện Q, chìa khóa cắm ở ổ khóa điện. Tr đứng bên trái xe, tay trái cầm tay nắm lái, tay phải nắm phần đuôi của giá để đồ phía sau xe mô tô quay cho đầu chiếc xe hướng ra đường 396B, gạt chân chống phụ, dong chiếc xe lên đường 396B, ngồi lên yên, mở khóa điện, khởi động máy, điều khiển xe đi trước, Qu đi sau, theo trục đường 396B ra đường Quốc lộ 10 tìm nơi tiêu thụ. Trên đường đi tới xã Đ1, huyện Q thì bị Tổ tuần tra của Công an huyện Quỳnh Phụ và Công an xã Đ1 phát hiện yêu cầu cả hai đưa phương tiện về trụ sở Ủy ban nhân dân xã Đ1 làm việc. Tổ công tác tiến hành lập biên bản giữ người trong Tr hợp khẩn cấp, quản lý các phương tiện và chiếc vạm phá khóa Tr giấu trong túi quần phải. Sau khi phát hiện chiếc xe bị mất anh U có đơn trình báo gửi Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Quỳnh Phụ.

Kết luận định giá tài sản số 21/KL-HĐDGTS ngày 17/5/2021 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện Quỳnh Phụ kết luận: Chiếc xe mô tô nhãn hiệu Woldwide, màu sơn nâu, biển số 17F8-8311, xe đã qua sử dụng, trị giá tài sản tại thời điểm bị chiếm đoạt là 2.100.000 đồng. Giá để đồ bằng sắt, có gắn 02 thanh giảm xóc 02 bên, trọng lượng 17,6 kg, trị giá tại thời điểm bị chiếm đoạt là 550.000 đồng. Tổng trị giá tài sản là 2.650.000 đồng (*hai triệu sáu trăm năm mươi nghìn đồng*).

Tại Bản cáo trạng số 65/CT-VKSQP ngày 09/7/2021, Viện kiểm sát nhân dân huyện Quỳnh Phụ đã truy tố bị cáo Tr về tội “*Trộm cắp tài sản*” thuộc Tr hợp “tái phạm nguy hiểm” quy định tại điểm g, khoản 2, Điều 173 Bộ luật Hình sự; truy tố bị cáo Qu về tội “*Trộm cắp tài sản*” quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa: Các bị cáo đã khai nhận hành vi trộm cắp chiếc xe máy của ông Uyển vào ngày 15/5/2021 như đã nêu trong bản cáo trạng. Các bị cáo nhận thức rõ hành vi của mình là vi phạm pháp luật, bị cáo thành khẩn khai báo, tỏ rõ thái độ ăn năn, hối cải.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm tại phiên tòa: Giữ nguyên quyết định truy tố đối với các bị cáo về tội “*Trộm cắp tài sản*”, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm h, s khoản 1 Điều 51; Điều 50; Điều 38; Điều 17; Điều 58 Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo; áp dụng điểm g, khoản 2, Điều 173 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Tr; áp dụng khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Qu. Đề nghị xử phạt bị cáo Tr từ 30 đến 36 tháng tù, bị cáo Qu từ 18 đến 21 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ. Về trách nhiệm dân sự không đặt ra giải quyết. Về xử lý vật chứng đề nghị áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự, Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự tuyên tịch thu 01 vạm phá khóa để tiêu hủy. Các bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Trong phần tranh luận các bị cáo không có ý kiến tranh luận với Kiểm sát viên. Các bị cáo nói lời sau cùng đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho các bị cáo được hưởng

mức án nhẹ nhất để các bị cáo yên tâm cải tạo, sớm được trở về với gia đình, hòa nhập cộng đồng xã hội, trở thành công dân có ích cho xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Quỳnh Phụ, Viện kiểm sát nhân dân huyện Quỳnh Phụ, Điều tra viên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Quỳnh Phụ, Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Quỳnh Phụ trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, các bị cáo, bị hại không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội của các bị cáo: Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội. Lời khai nhận tội của các bị cáo phù hợp với nhau, phù hợp với nội dung bản Cáo trạng của Viện kiểm sát và còn được chứng minh bằng các tài liệu: Các biên bản giữ người trong Tr hợp khẩn cấp; Biên bản xác định đặc điểm và trọng lượng chiếc giá để đồ (giá chõ hàng); Kết luận định giá tài sản số 21/KL-HĐĐGTS ngày 17/5/2021 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình; Đơn trình báo và biên bản ghi lời khai của bị hại. Cùng toàn bộ tài liệu, chứng cứ khác do Cơ quan điều tra thu thập có trong hồ sơ vụ án. Do đó có đủ cơ sở kết luận: Do muốn có tiền chi tiêu cá nhân, khoảng 10 giờ ngày 15/5/2021, tại đường bê tông nội đồng, thuộc cánh đồng thôn B, xã H1, huyện Q, tỉnh Thái Bình, Bị cáo Bùi Xuân Tr và bị cáo Trần Văn Qu cùng có hành vi trộm cắp chiếc xe mô tô nhãn hiệu Woldwide, sơn màu nâu, biển số 17F8-8311, yên xe có lắp giá để đồ (giá chõ hàng) tự chế bằng sắt, gắn 02 giảm xóc hai bên, trọng lượng 17,6 kg, tổng trị giá tài sản là 2.650.000 đồng, của anh Nguyễn Như U, sinh năm 1980, trú tại thôn B, xã H1, huyện Q, tỉnh Thái Bình, trên đường đi tiêu thụ đến địa phận xã Đ1, huyện Q bị phát hiện. Trong vụ án này, Tr là người khởi xướng, trực tiếp thực hiện hành vi trộm cắp chiếc xe, Tr đã có tiền án bị áp dụng tình tiết tăng nặng “*Tái phạm*”, chưa được xóa án tích lại tiếp tục thực hiện hành vi trộm cắp tài sản nên hành vi của Tr đã phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”, thuộc Tr hợp “*Tái phạm nguy hiểm*”, quy định tại điểm g, khoản 2, Điều 173 Bộ luật Hình sự. Bị cáo Qu đồng phạm với vai trò giúp sức, hành vi của bị cáo đã phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”, quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự như Cáo trạng của Viện kiểm sát đã truy tố là có căn cứ.

Điều 173. Tội trộm cắp tài sản

“1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các Tr hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:

2. Phạm tội thuộc một trong các Tr hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 07 năm:

.....

g) Tái phạm nguy hiểm.

.....

5. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng”.

[3] Xét tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội của các bị cáo thấy: Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của công dân, gây mất trật tự trị an xã hội tại địa phương, gây dư luận xấu trong quần chúng nhân dân nơi địa bàn xảy ra vụ án. Các bị cáo có đầy đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, đã từng bị xử phạt tù về hành vi trộm cắp tài sản, nhận thức rõ hành vi của mình là vi phạm pháp luật, nhưng vì động cơ tư lợi các bị cáo coi thường pháp luật, thực hiện tội phạm với lỗi cố ý. Vì vậy Hội đồng xét xử cần phải lên một mức án phù hợp, tương xứng với tính chất, mức độ cũng như vai trò của từng bị cáo thì mới có tác dụng giáo dục, cải tạo các bị cáo thành công dân có ích cho xã hội cũng như việc đấu tranh phòng ngừa tội phạm chung.

[4] Xét về vai trò, hành vi phạm tội của các bị cáo: Các bị cáo phạm tội có tính chất đồng phạm giản đơn, giữa các bị cáo không có việc câu kết chặt chẽ, không phân công, phân nhiệm cụ thể, nhưng vai trò thực hiện hành vi phạm tội của các bị cáo có sự khác nhau, vì vậy cần phải xem xét vai trò của từng bị cáo để xét xử và lên mức hình phạt cho phù hợp. Trong vụ án xác định bị cáo Tr giữ vai trò cao nhất, là người khởi xướng việc phạm tội, chuẩn bị công cụ phạm tội và trực tiếp thực hiện hành vi trộm cắp tài sản. Đối với bị cáo Qu khi được Tr khởi xướng đã hưởng ứng tham gia, dùng xe máy của Tr chở Tr đi trộm cắp tài sản, vì vậy vai trò và mức hình phạt bị cáo Tr phải phải hơn bị cáo Qu.

[5] Về tình tiết tăng nặng, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của các bị cáo thấy: tại phiên tòa các bị cáo thành khẩn khai báo, trị giá tài sản chiếm đoạt không lớn nên đều được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự “phạm tội nhưng gây thiệt hại không lớn” và “người phạm tội thành khẩn khai báo” quy định tại điểm h,s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Ngoài ra bị cáo Qu có bố đẻ là người có công được tặng thưởng huân chương kháng chiến nên được áp dụng khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Đối với bị cáo Tr phạm tội trong Tr hợp tái phạm nguy hiểm là tình tiết định khung, vì vậy bị cáo Tr không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Đối với bị cáo Qu phạm tội trong Tr hợp chưa được xóa án tích, vì vậy bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là tái phạm quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự. Ngoài ra bị cáo Qu có nhân thân xấu, đây cũng là một trong những căn cứ quan trọng để Hội đồng xét xử cân nhắc khi lượng hình.

[6] Về quyết định hình phạt: Từ những phân tích nêu trên, đối chiếu với các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử xét thấy cần thiết phải cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian như mức án đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là phù

hợp, tương xứng với vai trò, tính chất, mức độ hành vi phạm tội của từng bị cáo và bảo đảm mục đích hình phạt nói chung.

-Về hình phạt bổ sung: Các bị cáo nghiện ma túy, không có nghề nghiệp ổn định, vì vậy không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo

[7] Về trách nhiệm dân sự : Chiếc xe mô tô biển số 17F8-8311 và giá để đồ bằng sắt là tài sản hợp pháp của anh U. Do vậy, Cơ quan Cảnh sát điều tra đã trả lại cho anh U và anh U không có yêu cầu đề nghị gì đối với các bị cáo về việc bồi thường dân sự, vì vậy về trách nhiệm dân sự không đặt ra giải quyết.

[8] Về vật chứng vụ án: Cơ quan điều tra đã quản lý của bị cáo Tr 01 vạm phá khóa bằng kim loại, xét thấy đây là công cụ phạm tội có giá trị thấp, cần tịch thu tiêu hủy là phù hợp với Điều 47 Bộ luật Hình sự, Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Đối với chiếc xe mô tô kiểu dáng Wave , màu sơn đỏ, không treo biển số, các bị cáo sử dụng làm phương tiện chở nhau đi trộm cắp tài sản. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo Tr khai mua lại chiếc xe trên của một người đàn ông không quen biết ở tỉnh Hưng Yên từ năm 2015 với số tiền 10.000.000 đồng, xe không còn đăng ký và giấy tờ mua bán; khi mua bị cáo không biết gì về nguồn gốc chiếc xe. Kết luận giám định, xác định số khung, số máy của chiếc xe đều đã bị xóa. Do đó, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện đã tách chiếc xe ra để tiếp tục điều tra, xác minh xử lý sau.

[9] Về án phí và quyền kháng cáo: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm.

-Các bị cáo và anh U có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: Bị cáo Bùi Xuân Tr và bị cáo Trần Văn Qu phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”.

2. Hình phạt:

- *Áp dụng điểm g, khoản 2, Điều 173; điểm h,s khoản 1 Điều 51; Điều 38; Điều 50; Điều 17; Điều 58 Bộ luật Hình sự.*

Xử phạt bị cáo Bùi Xuân Tr 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù được tính từ ngày 15/5/2021.

- *Áp dụng khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự; điểm h,s khoản 1 Điều 51; khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 38, Điều 50, Điều 17; Điều 58 Bộ luật Hình sự.*

Xử phạt bị cáo Trần Văn Qu 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù được tính từ ngày 15/5/2021

3. Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự, Điều 47 Bộ luật Hình sự: Tịch thu 01 vạm phá khóa bằng kim loại để tiêu hủy.

(Vật chứng và số tiền trên có đặc điểm như biên bản bàn giao vật chứng giữa Công an huyện và Chi cục thi hành án dân sự huyện Quỳnh Phụ ngày 09/7/2011 hiện do Chi cục thi hành án dân sự huyện Quỳnh Phụ đang quản lý)

4. Về án phí: Áp dụng Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự, Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bị cáo Bùi Xuân Tr và bị cáo Trần Văn Qu mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Các bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày tròn kể từ ngày tuyên án. Bị hại có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày tròn kể từ ngày nhận được tổng đạt hợp lệ bản án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Thái Bình;
- TAND tỉnh Thái Bình;
- VKSND huyện Quỳnh Phụ;
- Chi cục THADS huyện Quỳnh Phụ;
- Trại tạm giam Công an tỉnh Thái Bình;
- Công an huyện Quỳnh Phụ;
- Bị cáo; bị hại;
- UBND xã Đ, huyện C, tỉnh Hưng Yên
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

NGUYỄN MINH ĐỨC